

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh sách người đăng ký dự tuyển có đủ điều kiện tham dự kỳ thi tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Ia Pa.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA PA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 1728/QĐ-SNV ngày 29/10/2020 của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng giáo viên năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Pa;*

*Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Ia Pa.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách 39 người đăng ký dự tuyển viên chức giáo viên có đủ điều kiện tham dự kỳ thi tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Ia Pa (Có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo viên năm 2020 của huyện Ia Pa có trách nhiệm thông báo danh sách những người đăng ký dự tuyển có đủ điều kiện dự thi và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND huyện để người dự tuyển được biết thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và người đăng ký dự tuyển có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai;
- Sở GD&ĐT tỉnh Gia Lai;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Công an huyện;
- Trung tâm VH, TT&TT huyện (đưa tin);
- Công thông tin điện tử của huyện;
- Lưu VT- UB, NV

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Ksor Suy**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN NĂM 2020 (VÒNG 2)**

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Hội đồng thi tuyển viên chức giáo viên)

| TT | Họ và tên      |       | Ngày tháng năm sinh |            | Dân tộc | Quê quán                                       | Hộ khẩu thường trú |           | Trình độ văn hóa | Trình độ Đào tạo    |                   |                           |                |                         | Hình thức đào tạo chuyên môn | Trường đào tạo                |           | Xếp loại tốt nghiệp | Đối tượng ưu tiên      | Vị trí đăng ký tuyển dụng | Ghi chú      |
|----|----------------|-------|---------------------|------------|---------|------------------------------------------------|--------------------|-----------|------------------|---------------------|-------------------|---------------------------|----------------|-------------------------|------------------------------|-------------------------------|-----------|---------------------|------------------------|---------------------------|--------------|
|    |                |       | Nam                 | Nữ         |         |                                                | Tỉnh Gia Lai       | Tỉnh khác |                  | Trình độ chuyên môn | Trình độ tin học  | Trình độ NN               | Chứng chỉ NVSP | Chứng chỉ khác (nếu có) |                              | Tên trường đào tạo            | Loại hình |                     |                        |                           |              |
| 1  | 2              |       | 3                   | 4          | 5       | 6                                              | 7                  | 8         | 9                | 10                  | 11                | 12                        | 13             | 14                      | 15                           | 16                            | 17        | 18                  | 19                     | 20                        | 21           |
| A  | Mầm non: 35    |       |                     |            |         |                                                |                    |           |                  |                     |                   |                           |                |                         |                              |                               |           |                     |                        |                           |              |
| 1  | Nguyễn Thị Thu | Hà    |                     | 20/10/1980 | Kinh    | huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định                  | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ A       | Chứng chỉ B Tiếng anh     |                |                         | Từ xa                        | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình          |                        | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 2  | Châu Thị Thanh | Thảo  |                     | 02/11/1991 | Kinh    | xã Phước Hiệp, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ UD CNTT | Chứng chỉ Bậc 2 Tiếng anh |                | GDQP-AN, GDTC           | Chính quy                    | Trường Đại học Phú Yên        | Công lập  | Trung bình          |                        | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 3  | Đỗ Thị         | Chúc  |                     | 20/10/1992 | Kinh    | xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam      | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ B       | Chứng chỉ B Tiếng anh     |                |                         | vừa làm vừa học              | Trường Đại học Phú Yên        | Công lập  | Khá                 | Con thương binh        | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 4  | Phan Thị       | Ly    |                     | 19/5/1991  | Kinh    | huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định                | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ UD CNTT | Chứng chỉ C Tiếng anh     |                | CN tiếng DTTS Jrai      | Từ xa                        | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      |                        | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 5  | Phan Thị       | Luyến |                     | 12/4/1998  | Kinh    | huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định                | x                  |           | 12/12            | CĐSP GDMN           | Chứng chỉ UD CNTT | Chứng chỉ C Tiếng anh     |                | CN tiếng DTTS Jrai      | Chính quy                    | Trường CĐSP Gia Lai           | Công lập  | Khá                 |                        | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 6  | Ksor H'        | Riư   |                     | 11/11/1991 | Jrai    | xã Ia Trok, hyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ UD CNTT | Chứng chỉ B Tiếng anh     |                |                         | Từ xa                        | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 7  | Nay H'         | Nhut  |                     | 11/02/1987 | Jrai    | xã Ia Trok, hyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ UD CNTT | Chứng chỉ Bậc 2 Tiếng anh |                |                         | Từ xa                        | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 8  | Lê Thị         | Hằng  |                     | 21/10/1994 | Kinh    | xã Khả Phong, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam      | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ B       | Chứng chỉ B Tiếng anh     |                |                         | vừa làm vừa học              | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      |                        | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 9  | Rcom H'        | Trình |                     | 30/12/1987 | Jrai    | xã Ia Trok, hyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ A       | Chứng chỉ A Tiếng anh     |                |                         | Từ xa                        | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 10 | Ksor H'        | Nui   |                     | 15/3/1983  | Jrai    | xã Ia Trok, hyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ A       | Chứng chỉ B Tiếng anh     |                |                         | Từ xa                        | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình          | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 11 | Ngô Thị Bích   | Loan  |                     | 18/8/1986  | Kinh    | xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định      | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ B       | Chứng chỉ C Tiếng anh     |                |                         | Từ xa                        | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình          |                        | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |



| TT | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh |            | Dân tộc | Quê quán                                       | Hộ khẩu thường trú |           | Trình độ văn hóa | Trình độ Đào tạo    |                   |                        |                |                         | Hình thức đào tạo chuyên môn | Trường đào tạo                |           | Xếp loại tốt nghiệp | Đổi tượng ưu tiên      | Vị trí đăng ký tuyển dụng | Ghi chú      |
|----|----------------------|---------------------|------------|---------|------------------------------------------------|--------------------|-----------|------------------|---------------------|-------------------|------------------------|----------------|-------------------------|------------------------------|-------------------------------|-----------|---------------------|------------------------|---------------------------|--------------|
|    |                      | Nam                 | Nữ         |         |                                                | Tỉnh Gia Lai       | Tỉnh khác |                  | Trình độ chuyên môn | Trình độ tin học  | Trình độ NN            | Chứng chỉ NVSP | Chứng chỉ khác (nếu có) |                              | Tên trường đào tạo            | Loại hình |                     |                        |                           |              |
| 1  | 2                    | 3                   | 4          | 5       | 6                                              | 7                  | 8         | 9                | 10                  | 11                | 12                     | 13             | 14                      | 15                           | 16                            | 17        | 18                  | 19                     | 20                        | 21           |
| 12 | Rơ Ô H' Roanh        |                     | 13/6/1990  | Jrai    | xã Ia Broái, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai         | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ B       | Chứng chỉ B Tiếng anh  |                | CN tiếng DTTS Jrai      | Từ xa                        | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 13 | Trương Nữ Bích Thuận |                     | 10/6/1993  | Kinh    | huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế          | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ B       | Chứng chỉ A Tiếng anh  |                |                         | vừa làm vừa học              | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      |                        | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 14 | Hường Thị Hường      |                     | 01/02/1994 | Tây     | xã Quốc Khánh, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ A       | Chứng chỉ B Tiếng anh  |                |                         | Chính quy                    | Trường Đại học Quy Nhơn       | Công lập  | Khá                 | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 15 | Trương Nữ Trà My     |                     | 22/9/1993  | Kinh    | xã Nhơn Mỹ, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định      | x                  |           | 12/12            | CĐSP GDMN           | Chứng chỉ B       | Chứng chỉ A2 Tiếng anh |                | CN tiếng DTTS Jrai      | Chính quy                    | Trường Cao đẳng Hải Dương     | Công lập  | Giỏi                |                        | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 16 | Nguyễn Thị Ngọc Hân  |                     | 19/8/1998  | Kinh    | huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam                    | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ UD CNTT | CN Tiếng anh Bắc 3     |                |                         | Chính quy                    | Trường Đại học Quy Nhơn       | Công lập  | Khá                 |                        | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 17 | Hồ Thị Thanh Hương   |                     | 12/8/1994  | Kinh    | xã Bình An, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam   | x                  |           | 12/12            | CĐSP GDMN           | Chứng chỉ A       | Chứng chỉ A Tiếng anh  |                |                         | Chính quy                    | Trường CĐSP Gia Lai           | Công lập  | Khá                 |                        | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 18 | Trần Thị Thủy Nhung  |                     | 14/3/1992  | Kinh    | xã Nhân Tiến, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam       | x                  |           | 12/12            | CĐSP GDMN           | Chứng chỉ A       | Chứng chỉ B Tiếng anh  |                |                         | Chính quy                    | Trường CĐSP Gia Lai           | Công lập  | Khá                 |                        | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 19 | Nay H' Bun           |                     | 25/4/1994  | Jrai    | xã Chư Mố, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ A       | Chứng chỉ B Tiếng anh  |                | CN tiếng DTTS Jrai      | vừa làm vừa học              | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 20 | Rmah Ha Li           |                     | 29/7/1997  | Jrai    | xã Chư Mố, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | CĐSP GDMN           | Chứng chỉ UD CNTT | Chứng chỉ C Tiếng anh  |                |                         | Chính quy                    | Trường CĐSP Gia Lai           | Công lập  | Khá                 | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 21 | Ksor H' Quyền        |                     | 10/10/1994 | Jrai    | xã Ia Broái, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai         | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ A       | Chứng chỉ B Tiếng anh  |                | CN tiếng DTTS Jrai      | vừa làm vừa học              | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 22 | Nay H' Kúi           |                     | 26/6/1991  | Jrai    | xã Ia Tul, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ B       | Chứng chỉ B Tiếng anh  |                |                         | Từ xa                        | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 23 | Nay H' Ruên          |                     | 11/5/1988  | Jrai    | xã Ia Tul, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ UD CNTT | Chứng chỉ B Tiếng anh  |                |                         | vừa làm vừa học              | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |
| 24 | Ksor H' Nhôn         |                     | 14/12/1992 | Jrai    | xã Chư Mố, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai           | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ UD CNTT | Chứng chỉ B Tiếng anh  |                | CN tiếng DTTS Jrai      | Từ xa                        | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non         | Đủ điều kiện |

| TT                           | Họ và tên       |        | Ngày tháng năm sinh |            | Dân tộc | Quê quán                                     | Hộ khẩu thường trú |           | Trình độ văn hóa | Trình độ Đào tạo    |                   |                            |                |                         | Hình thức đào tạo chuyên môn | Trường đào tạo                |           | Xếp loại tốt nghiệp | Đối tượng ưu tiên      | Vị trí đăng ký tuyển dụng    | Ghi chú      |
|------------------------------|-----------------|--------|---------------------|------------|---------|----------------------------------------------|--------------------|-----------|------------------|---------------------|-------------------|----------------------------|----------------|-------------------------|------------------------------|-------------------------------|-----------|---------------------|------------------------|------------------------------|--------------|
|                              |                 |        | Nam                 | Nữ         |         |                                              | Tỉnh Gia Lai       | Tỉnh khác |                  | Trình độ chuyên môn | Trình độ tin học  | Trình độ NN                | Chứng chỉ NVSP | Chứng chỉ khác (nếu có) |                              | Tên trường đào tạo            | Loại hình |                     |                        |                              |              |
| 1                            | 2               |        | 3                   | 4          | 5       | 6                                            | 7                  | 8         | 9                | 10                  | 11                | 12                         | 13             | 14                      | 15                           | 16                            | 17        | 18                  | 19                     | 20                           | 21           |
| 25                           | Siu H'          | Chel   |                     | 08/7/1993  | Jrai    | xã Ia Mron, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai        | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ A       | Chứng chỉ B Tiếng anh      |                |                         | Vừa làm vừa học              | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non            | Đủ điều kiện |
| 26                           | Siu H'          | Lar    |                     | 12/8/1996  | Jrai    | xã Ia Mron, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai        | x                  |           | 12/12            | CDSP GDMN           | Chứng chỉ B       | Chứng chỉ A2 Tiếng anh     |                |                         | Chính quy                    | Trường Cao đẳng Hải Dương     | Công lập  | Khá                 | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non            | Đủ điều kiện |
| 27                           | Nguyễn Thị Bích | Đào    |                     | 10/5/1992  | Kinh    | xã Ân Tín, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định     | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ UD CNTT | Chứng chỉ C Tiếng anh      |                |                         | Từ xa                        | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình          |                        | Giáo viên Mầm non            | Đủ điều kiện |
| 28                           | R'Ô H'          | Nc     |                     | 14/4/1995  | Jrai    | xã Ia Kdam, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai        | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ UD CNTT | Chứng chỉ B Tiếng anh      |                |                         | Vừa làm vừa học              | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non            | Đủ điều kiện |
| 29                           | Ksor H'         | Thư    |                     | 18/12/1990 | Jrai    | xã Ia Trok, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai        | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ A       | Chứng chỉ A Tiếng anh      |                |                         | Từ xa                        | Trường Đại học sư phạm Hà Nội | Công lập  | Trung bình khá      | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non            | Đủ điều kiện |
| 30                           | Đinh Thị        | Ánh    |                     | 11/7/1997  | Kinh    | huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam                  | x                  |           | 12/12            | CDSP GDMN           | Chứng chỉ UD CNTT | Chứng chỉ A2 Tiếng anh     |                | CN tiếng DTTS Jrai      | Chính quy                    | Trường Cao đẳng Hải Dương     | Công lập  | Giỏi                |                        | Giáo viên Mầm non            | Đủ điều kiện |
| 31                           | Trần Thị        | Duyên  |                     | 05/02/1998 | Kinh    | xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam      | x                  |           | 12/12            | CDSP GDMN           | Chứng chỉ UD CNTT | Chứng chỉ C Tiếng anh      |                | CN tiếng DTTS Jrai      | Chính quy                    | Trường CDSP Gia Lai           | Công lập  | Khá                 |                        | Giáo viên Mầm non            | Đủ điều kiện |
| 32                           | Trần Thị        | Tuyết  |                     | 22/11/1994 | Kinh    | huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định                | x                  |           | 12/12            | CDSP GDMN           | Chứng chỉ A       | Chứng chỉ B Tiếng anh      |                |                         | Chính quy                    | Trường Đại học Phú Yên        | Công lập  | Khá                 |                        | Giáo viên Mầm non            | Đủ điều kiện |
| 33                           | Phạm Thị        | Tươi   |                     | 24/6/1995  | Kinh    | xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam     | x                  |           | 12/12            | CDSP GDMN           | Chứng chỉ B       | Chứng chỉ A Tiếng anh      |                |                         | Chính quy                    | Trường CDSP Gia Lai           | Công lập  | Khá                 |                        | Giáo viên Mầm non            | Đủ điều kiện |
| 34                           | Kpá H'          | Lư     |                     | 28/3/1995  | Jrai    | xã Ia Broái, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai       | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDMN           | Chứng chỉ A       | Chứng chỉ B Tiếng anh      |                | CN tiếng DTTS Jrai      | Vừa làm vừa học              | Trường Đại học Tây Nguyên     | Công lập  | Trung bình khá      | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non            | Đủ điều kiện |
| 35                           | Siu H'          | Ri     |                     | 02/12/1995 | Jrai    | xã Ia Mron, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai        | x                  |           | 12/12            | CDSP GDMN           | Chứng chỉ UD CNTT | Chứng chỉ B Tiếng anh      |                |                         | Chính quy                    | Trường CDSP Gia Lai           | Công lập  | Trung bình khá      | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên Mầm non            | Đủ điều kiện |
| <b>B Tiểu học: 02</b>        |                 |        |                     |            |         |                                              |                    |           |                  |                     |                   |                            |                |                         |                              |                               |           |                     |                        |                              |              |
| 36                           | Nguyễn Thị Lệ   | Sương  |                     | 02/03/1990 | Kinh    | xã Nhơn Thành, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định | x                  |           | 12/12            | ĐHSP Tiếng anh      | Chứng chỉ A       | Chứng chỉ B Tiếng pháp     |                |                         | Từ xa                        | Trường Đại học Huế            | Công lập  | Khá                 |                        | Giáo viên Tiếng anh tiểu học | Đủ điều kiện |
| 37                           | Phạm Thị        | Phượng |                     | 01/4/1992  | Kinh    | xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên | x                  |           | 12/12            | ĐHSP Tiếng anh      | Chứng chỉ A       | Chứng chỉ Bậc 3 Tiếng Pháp | có             |                         | Từ xa                        | Trường Đại học Huế            | Công lập  | Khá                 |                        | Giáo viên Tiếng anh tiểu học | Đủ điều kiện |
| <b>C Trung học cơ sở: 02</b> |                 |        |                     |            |         |                                              |                    |           |                  |                     |                   |                            |                |                         |                              |                               |           |                     |                        |                              |              |

| TT | Họ và tên     | Ngày tháng năm sinh |    | Dân tộc | Quê quán                               | Hộ khẩu thường trú |           | Trình độ văn hóa | Trình độ Đào tạo    |                   |                           |                |                         | Hình thức đào tạo chuyên môn | Trường đào tạo            |           | Xếp loại tốt nghiệp | Đối tượng ưu tiên      | Vị trí đang ký tuyển dụng | Ghi chú      |
|----|---------------|---------------------|----|---------|----------------------------------------|--------------------|-----------|------------------|---------------------|-------------------|---------------------------|----------------|-------------------------|------------------------------|---------------------------|-----------|---------------------|------------------------|---------------------------|--------------|
|    |               | Nam                 | Nữ |         |                                        | Tỉnh Gia Lai       | Tỉnh khác |                  | Trình độ chuyên môn | Trình độ tin học  | Trình độ NN               | Chứng chỉ NVSP | Chứng chỉ khác (nếu có) |                              | Tên trường đào tạo        | Loại hình |                     |                        |                           |              |
| 1  | 2             | 3                   | 4  | 5       | 6                                      | 7                  | 8         | 9                | 10                  | 11                | 12                        | 13             | 14                      | 15                           | 16                        | 17        | 18                  | 19                     | 20                        | 21           |
| 38 | Phùng Anh Huy | 05/11/1993          |    | Kinh    | huyện Sơn Tinh, tỉnh Quảng Ngãi        | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDTC           | Chứng chỉ UD CNTT | Chứng chỉ Bậc 3 Tiếng anh |                |                         | Chính quy                    | Trường Đại học Tây Nguyên | Công lập  | Khá                 |                        | Giáo viên thể dục THCS    | Đủ điều kiện |
| 39 | Nay Yi        | 08/02/1993          |    | Jrai    | xã Ia Broái, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai | x                  |           | 12/12            | ĐHSP GDTC           | Chứng chỉ B       | Chứng chỉ B Tiếng anh     |                | GDQP                    | Chính quy                    | Trường Đại học Quy Nhơn   | Công lập  | Trung bình          | Người dân tộc thiểu số | Giáo viên thể dục THCS    | Đủ điều kiện |